

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2015/QĐ-UBND

*Quảng Trị, ngày 24 tháng 12 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước  
năm 2016 cho các huyện, thị xã, thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 18 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2016;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016 cho các huyện, thị xã, thành phố như các Biểu đính kèm Quyết định này.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán ngân sách năm 2016 được giao, các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2016, như sau:

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ;
- Sử dụng 50% số tăng thu ngân sách địa phương (nếu có, không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất);
- Sử dụng tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) tăng thêm (nếu có);

- Thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) ngày từ khâu dự toán và giữ lại ở các cấp ngân sách để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

**Điều 3.** Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh hướng dẫn thi hành Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Chính**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016 THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ***(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND**ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)***A. PHẦN THU***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>231.700</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	230.800
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	102.500
2	Thu tiền sử dụng đất	40.000
3	Tiền thuê đất	12.500
4	Lệ phí trước bạ	53.600
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.500
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	400
7	Thu phí, lệ phí	2.500
-	Phí Trung ương	900
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	1.600
8	Thuế thu nhập cá nhân	15.000
9	Thu khác ngân sách	1.500
10	Thu tại xã	1.200
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách phường)</b>	<b>66.075</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng

**THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**  
(Bao gồm cả chi ngân sách phường)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>296.875</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>44.535</b>
	Trong đó:	
-	Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	4.535
	+ Chi XDCB tập trung phân bổ	4.535
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	40.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>246.426</b>
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	20.055
-	Chi Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	115.927
	Trong đó: + Giáo dục	115.063
	+ Đào tạo và dạy nghề	864
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>5.914</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;
- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;
- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác đường phố; duy trì cây xanh; tưới nước đường phố, thoát nước đô thị, bù giá thu gom rác hộ dân...
- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;
- Thành phố chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh.
- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:
- + Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;
- + Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;

- + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;
- + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;
- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
- + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
- + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
- + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);
- + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;
- + Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh;
- + Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy;
- + Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;
- + 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;
- + Kinh phí thực hiện ISO theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh;
- + Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
- + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
- + Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
- + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
- + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND thành phố theo Nghị quyết 11/2012/NQ-HĐND;
- + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;
- + Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
- + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
- + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường;
- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;
- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016  
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU**

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>33.600</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	33.510
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	19.500
2	Thu tiền sử dụng đất	5.000
3	Tiền thuê đất	600
4	Lệ phí trước bạ	4.960
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	40
7	Thu phí, lệ phí	1.300
-	Phí Trung ương	90
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	1.210
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.500
9	Thu khác ngân sách	300
10	Thu tại xã	300
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách xã, phường)</b>	<b>82.364</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng.

**THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**  
(Bao gồm cả chi ngân sách phường, xã)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>115.874</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>6.909</b>
	Trong đó:	
	- Chi XDCCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	1.909
	+ Chi XDCCB tập trung phân bổ	1.909
	- Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	5.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>106.657</b>
	Trong đó:	
	- Chi sự nghiệp môi trường	7.070
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	51.008
	Trong đó: + Giáo dục	49.800
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.208
	- Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>2.308</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;  
 - Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác đường phố; duy trì cây xanh; tưới nước đường phố, thoát nước đô thị, hỗ trợ xử lý bãi rác...

- Sự nghiệp diáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;

- Thị xã chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;

- + Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;
- + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;
- + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;
- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
- + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
- + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
- + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);
- + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;
- + Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh;
- + Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy;
- + Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;
- + 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;
- + Kinh phí thực hiện ISO theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh;
- + Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
- + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
- + Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
- + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
- + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND thị xã theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
- + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;
- + Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
- + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
- + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường;
- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;
- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016**  
**HUYỆN VĨNH LINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU**

Đơn vị tính: triệu đồng

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>52.700</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	52.480
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	26.400
2	Thu tiền sử dụng đất	11.000
3	Tiền thuê đất	1.200
4	Lệ phí trước bạ	9.000
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0
7	Thu phí, lệ phí	1.380
-	Phí Trung ương	220
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	1.160
8	Thuế thu nhập cá nhân	2.000
9	Thu khác ngân sách	600
10	Thu tại xã	1.100
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)</b>	<b>260.836</b>
<b>II</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng.

**HUYỆN VĨNH LINH**  
(Bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>313.316</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>14.318</b>
	Trong đó:	
	- Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	3.318
	+ Chi XDCB tập trung phân bổ	3.318
	- Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	11.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>292.768</b>
	Trong đó:	
	- Chi sự nghiệp môi trường	3.750
	- Chi Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	156.182
	Trong đó: + Giáo dục	154.938
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.244
	- Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>6.230</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;
- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;
- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác...
- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;
- Địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;
- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:
- + Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW; phụ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP; phụ cấp theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP;
- + Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;
- + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;
- + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;
- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;

+ Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;

+ Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;

+ Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;

+ Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh

+ Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy

+ Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;

+ 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;

+ Chính sách cho đội viên Đề án 500 về xã công tác theo Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ

+ Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;

+ Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg;

+ Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;

+ Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;

+ Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;

+ Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;

+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;

+ Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường

- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật.

- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

- Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quy chế mới thay thế các quyết định phê duyệt danh mục các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2011 - 2015, đề địa phương chủ động về nguồn khi có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, tỉnh tạm bố trí nguồn để thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP và sẽ thực hiện quyết toán theo quy định.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016**  
**HUYỆN GIO LINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>31.400</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	31.280
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	16.450
2	Thu tiền sử dụng đất	4.000
3	Tiền thuê đất	1.500
4	Lệ phí trước bạ	5.000
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	10
7	Thu phí, lệ phí	1.500
-	Phí Trung ương	120
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	1.380
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.500
9	Thu khác ngân sách	400
10	Thu tại xã	1.000
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)</b>	<b>240.041</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng.

**HUYỆN GIO LINH**  
(Bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>271.321</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>6.985</b>
	Trong đó:	
-	Chi XD CB tập trung phân bổ theo tiêu chí	2.985
	+ Chi XD CB tập trung phân bổ	2.985
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	4.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>258.938</b>
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.000
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	140.595
	Trong đó: + Giáo dục	139.368
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.227
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>5.398</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;
- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp.
- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác...
- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;
- Địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;
- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:
  - + Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW; phụ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP; phụ cấp theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP;
  - + Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg;
  - + Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;
  - + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;
  - + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
- + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
- + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
- + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);
- + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; Trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;
- + Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh
- + Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy
- + Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;
- + 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;
- + Kinh phí thực hiện ISO theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh;
- + Hỗ trợ kinh phí xây dựng lịch sử Đảng bộ xã cho 02 xã Linh Thượng và Vĩnh Trường;
- + Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
- + Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg;
- + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
- + Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
- + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
- + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
- + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;
- + Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
- + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
- + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường;
- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;
- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ;
- Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quy chế mới thay thế các quyết định phê duyệt danh mục các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2011 - 2015, đề địa phương chủ động về nguồn khi có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, tỉnh tạm bố trí nguồn để thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP và sẽ thực hiện quyết toán theo quy định.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016**  
**HUYỆN CAM LỘ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>31.000</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	30.800
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	13.570
2	Thu tiền sử dụng đất	6.000
3	Tiền thuê đất	780
4	Lệ phí trước bạ	5.760
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	480
7	Thu phí, lệ phí	1.800
-	Phí Trung ương	200
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	1.600
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.560
9	Thu khác ngân sách	200
10	Thu tại xã	800
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)</b>	<b>145.459</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng.

**HUYỆN CAM LỘ**  
(Bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>176.259</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>7.724</b>
	Trong đó:	
-	Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	1.724
	+ Chi XDCB tập trung phân bổ	1.724
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	6.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>165.028</b>
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.140
-	Chi Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	91.273
	Trong đó: + Giáo dục	89.810
	+Đào tạo và dạy nghề	1.463
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>3.507</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;
- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chi tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chi tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;
- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác...
- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;
- Địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;
- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:
- + Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW;
- + Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;
- + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;

- + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;
- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
- + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
- + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
- + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);
- + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;
- + Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh;
- + Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy;
- + Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;
- + 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;
- + Kinh phí thực hiện ISO theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh;
- + Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
- + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
- + Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
- + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
- + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
- + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;
- + Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
- + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
- + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- Chi Sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường;
- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;
- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016  
HUYỆN HẢI LĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>42.650</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	39.430
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	19.100
2	Thu tiền sử dụng đất	8.000
3	Tiền thuê đất	600
4	Lệ phí trước bạ	5.200
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0
7	Thuế bảo vệ môi trường	3.000
8	Thu phí, lệ phí	2.000
-	Phí Trung ương	220
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	1.780
9	Thuế thu nhập cá nhân	2.000
10	Thu khác ngân sách	400
11	Thu tại xã	2.250
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)</b>	<b>239.171</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng.

**HUYỆN HẢI LĂNG**  
(Bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>278.601</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>10.880</b>
	Trong đó:	
-	Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	2.880
	+ Chi XDCB tập trung phân bổ	2.880
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	8.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>262.174</b>
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.700
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	143.103
	Trong đó: + Giáo dục	142.212
	+ Đào tạo và dạy nghề	891
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>5.547</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng.
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016.
- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chi tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chi tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp.
- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác...
- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg.
- Địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh.
- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:
  - + Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW; phụ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP; phụ cấp theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP;
  - + Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;
  - + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;
  - + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
- + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
- + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
- + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);
- + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; Trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;
- + Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh
- + Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy
- + Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;
- + 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;
- + Kinh phí thực hiện ISO theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh;
- + Chính sách cho đội viên Đề án 500 về xã công tác theo Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ
- + Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
- + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
- + Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
- + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
- + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
- + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;
- + Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
- + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
- + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
- Chi Sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường
- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật.
- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ.
- Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quy chế mới thay thế các quyết định phê duyệt danh mục các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2011 - 2015, đề địa phương chủ động về nguồn khi có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, tạm thời bố trí nguồn để thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP và sẽ thực hiện quyết toán theo quy định.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016**  
**HUYỆN TRIỆU PHONG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>42.650</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	42.550
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	20.900
2	Thu tiền sử dụng đất	11.000
3	Tiền thuê đất	600
4	Lệ phí trước bạ	5.700
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	60
7	Thu phí, lệ phí	800
-	Phí Trung ương	100
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	700
8	Thuế thu nhập cá nhân	900
9	Thu khác ngân sách	400
10	Thu tại xã	2.250
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)</b>	<b>282.236</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng.

**HUYỆN TRIỆU PHONG**  
(Bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>324.786</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>13.920</b>
	Trong đó:	
-	Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	2.920
	+ Chi XDCB tập trung phân bổ	2.920
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	11.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>304.413</b>
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.000
-	Chi Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	179.361
	Trong đó: + Giáo dục	178.232
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.129
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>6.453</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;  
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chi tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chi tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;

- Địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW; phụ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP; phụ cấp theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP;

+ Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;

- + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;
- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
- + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
- + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
- + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);
- + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; Trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;
- + Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh;
- + Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy;
- + Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;
- + 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;
- + Kinh phí thực hiện ISO theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh;
- + Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
- + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
- + Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
- + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
- + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
- + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;
- + Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
- + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
- + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường;
- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;
- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ;
- Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quy chế mới thay thế các quyết định phê duyệt danh mục các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2011 - 2015, đề địa phương chủ động về nguồn khi có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, tỉnh tạm bố trí nguồn để thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP và sẽ thực hiện quyết toán theo quy định.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016  
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>37.200</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	36.000
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	13.500
2	Thu tiền sử dụng đất	7.000
3	Tiền thuê đất	120
4	Lệ phí trước bạ	10.800
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	60
7	Thu phí, lệ phí	2.000
-	Phí Trung ương	760
-	Phí tỉnh	440
-	Phí huyện, xã	800
8	Thuế thu nhập cá nhân	3.000
9	Thu khác ngân sách	600
10	Thu tại xã	100
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)</b>	<b>355.759</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng.

**HUYỆN HUỠNG HÓA**  
(Bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>11.068</b>
	Trong đó:	
-	Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	4.068
	+ Chi XDCB tập trung phân bổ	4.068
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	7.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>372.915</b>
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	3.100
-	Chi Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	228.700
	Trong đó: + Giáo dục	227.504
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.196
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>7.776</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng.  
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chi tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chi tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác...

- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;

- Địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương:

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW; phụ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP; phụ cấp theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP;

+ Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg;

+ Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;

+ Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;

- + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;
- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
- + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
- + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
- + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);
- + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;
- + Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh;
- + Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy;
- + Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;
- + 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;
- + Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
- + Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg;
- + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
- + Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
- + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
- + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
- + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;
- + Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
- + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
- + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường
- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật.
- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ;
- Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quy chế mới thay thế các quyết định phê duyệt danh mục các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2011 - 2015, đề địa phương chủ động về nguồn khi có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, tỉnh tạm bố trí nguồn để thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP và sẽ thực hiện quyết toán theo quy định.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016**  
**HUYỆN ĐAKRÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU**

Đơn vị tính: triệu đồng

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>11.600</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	11.500
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	5.460
2	Thu tiền sử dụng đất	3.000
3	Tiền thuê đất	40
4	Lệ phí trước bạ	1.700
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0
7	Thu phí, lệ phí	700
-	Phí Trung ương	100
-	Phí tỉnh	0
-	Phí huyện, xã	600
8	Thuế thu nhập cá nhân	600
9	Thu khác ngân sách	100
10	Thu tại xã	0
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NS CẤP TỈNH (bao gồm cả ngân sách cấp xã)</b>	<b>252.781</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

- Đã sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2016 so với dự toán năm 2015 để thực hiện cải cách tiền lương đến tiền lương cơ sở 1.150.000 đồng.

**HUYỆN ĐAKRÔNG**  
(Bao gồm cả chi ngân sách cấp xã)

**B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2016
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>264.281</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>5.987</b>
	Trong đó:	
-	Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	2.987
	+ Chi XDCB tập trung phân bổ	2.987
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	3.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>253.041</b>
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	550
-	Chi Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	145.365
	Trong đó: + Giáo dục	144.249
	+ Đào tạo và dạy nghề	1.116
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>5.253</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;
- Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;
- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chỉ tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chỉ tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;
- Chi sự nghiệp môi trường đã bao gồm chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác...
- Sự nghiệp giáo dục đã bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi loại hình trường bán công sang công lập theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg;
- Địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý biên động đất đai từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/TC-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;
- Đã bố trí kinh phí thực hiện chính sách TW và địa phương;
- + Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW; phụ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP; phụ cấp theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP;
- + Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg;
- + Chi dân số; cán bộ khuyến công; phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;
- + Chi đảm bảo xã hội đã bố trí mức chi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;
- + Hỗ trợ hàng tháng cho CBCC thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; bồi dưỡng tiếp công dân;

- + Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2012;
- + Thù lao chức danh lãnh đạo chuyên trách hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 13/02/2012;
- + Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố;
- + Kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng theo Thông tư liên tịch 04/2006/TTLT-KHĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính (05 triệu/huyện, 04 triệu/xã);
- + Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;
- + Hợp đồng tạo nguồn nhân lực theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh;
- + Tạo nguồn cán bộ, công chức ở cấp xã theo Quyết định số 1618/QĐ-TU ngày 27/02/2015 của Tỉnh ủy;
- + Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách;
- + 14% BHXH cho cán bộ không chuyên trách theo Luật BHXH số 58/2014/QH 13;
- + Kinh phí thực hiện ISO theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh;
- + Chính sách cho đội viên Đề án 500 về xã công tác theo Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ sinh hoạt phí đối với ủy viên BCH Mặt trận Tổ quốc cấp huyện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- + Chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh;
- + Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg;
- + Chế độ đối với cán bộ khuyến nông - lâm - ngư; phụ cấp cán bộ xóa đói giảm nghèo;
- + Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã: 04 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;
- + Chế độ phụ cấp cán bộ thú y xã và thú y thôn bản;
- + Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;
- + Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa khu dân cư" theo Thông tư số 160/2010/TT-BTC ngày 19/10/2010: 03 triệu đồng/KDC;
- + Kinh phí hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng; kinh phí diễn tập theo Cơ chế 02;
- + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP;
- + Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện thực hiện theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 20/4/2010; Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- Chi sự nghiệp giáo dục cấp xã có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã, phường;
- Đã hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp Hội Khoa học kỹ thuật;
- Chi đảm bảo xã hội có hỗ trợ chăm sóc thường xuyên các nghĩa trang liệt sỹ;
- Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quy chế mới thay thế các quyết định phê duyệt danh mục các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2011 - 2015, đề địa phương chủ động về nguồn khi có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, tạm bố trí nguồn để thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP và sẽ thực hiện quyết toán theo quy định.

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016**  
**HUYỆN ĐẢO CÒN CỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**A. PHẦN THU***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>0</b>
	Trong đó: Ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng	0
1	Thuế công thương nghiệp (ngoài quốc doanh)	
2	Thu tiền sử dụng đất	
3	Tiền thuê đất	
4	Lệ phí trước bạ	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
6	Thu phí, lệ phí	
-	Phí Trung ương	
-	Phí tỉnh	
-	Phí huyện, xã	
7	Thuế thu nhập cá nhân	
8	Thu khác ngân sách	
9	Thu tại xã	
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>	<b>17.103</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (*)</b>	

**Ghi chú:**

(\*) Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 được xác định căn cứ kết quả thu đến 31/12/2015.

**HUYỆN ĐẢO CÒN CỎ****B. PHẦN CHI***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán năm 2016</b>
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>17.103</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>0</b>
	Trong đó:	
-	Chi XDCCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	0
	+ Chi XDCCB tập trung phân bổ	0
-	TW hỗ trợ có địa chỉ	0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	0
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>16.736</b>
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp môi trường	100
-	Chi Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	755
	Trong đó: + Giáo dục	395
	+ Đào tạo và dạy nghề	360
-	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS và phần mềm quản lý vốn ĐTXDCB	225
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>367</b>

**Ghi chú:**

- Chi thường xuyên đã bố trí mức lương cơ sở 1.150.000 đồng;  
 - Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL từ 730.000 đồng - 1.150.000 đồng ngân sách cấp huyện; riêng số thu học phí, tăng thu sẽ xác định trong kỳ làm lương năm 2016;

- Các lĩnh vực chi: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, môi trường, chi dự phòng là chi tiêu DT mức tối thiểu; các lĩnh vực chi khác là chi tiêu hướng dẫn; căn cứ tình hình thực tế của địa phương để quyết định phù hợp;

- Đã bố trí kinh phí thực hiện:

+ Chế độ phụ cấp: Thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP (bao gồm 2% KPCĐ); phụ cấp công vụ; phụ cấp theo Hướng dẫn số 05; phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP; phụ cấp báo cáo viên các cấp theo Hướng dẫn liên ban số 06-HĐ/BTCTW-BTGTW; phụ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP;

+ Phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169/QĐ-TW; phụ cấp nghề kiểm tra; phụ cấp cựu chiến binh cơ quan; kinh phí thực hiện một số chế độ theo Quy định số 13/QĐ-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị;

+ Hỗ trợ chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; trang cấp cho cấp ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2020;

+ Chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND huyện theo Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND;

+ Kinh phí duy trì hệ thống điện hoạt động trên đảo, bù tiền nước;

- Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quy chế mới thay thế các quyết định phê duyệt danh mục các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2011 - 2015, đề địa phương chủ động về nguồn khi có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, tạm bố trí nguồn để thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và sẽ thực hiện quyết toán theo quy định.